

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày 28 - 11 - 2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thù

2. Ông Nguyễn Như Tạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 153/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội V

Địa chỉ: Số 169, phố A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông K – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện D, tỉnh Đăk Nông (Theo quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25-11-2016).

Địa chỉ: TDP 6, thị trấn E, huyện D, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn 9, xã F, huyện D, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hoàng Trương Ngọc A; Địa chỉ: Tổ dân 3, thị trấn E, huyện D, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/12/2015 Ngân hàng chính sách xã hội Việt N chi nhánh huyện D(sau đây gọi tắt là Ngân hàng CSXH) có cho bà Trương Thị L vay số tiền là 30.000.000đ, mục đích cho vay vốn là hỗ trợ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn, hạn trả nợ vào ngày 05/11/2016, đến nay đã quá hạn nhưng bà L vẫn chưa trả khoản vay này. Ngoài ra bà L còn được Ngân hàng CSXH cho vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 12.000.000đ, thời hạn trả vào ngày 05/11/2021, nhưng từ khi vay đến nay bà L mới trả tiền lãi đến khoảng giữa tháng 7/2017, từ đó đến nay hộ bà L không trả tiền lãi, tiền gốc theo kỳ hạn như đã cam kết khi vay vốn.

Nay, Ngân hàng CSXH yêu cầu bà Trương Thị L phải trả số tiền gốc là 30.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706236128 ngày 05/12/2015; tiền lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 6.547.001 đồng và số tiền gốc 12.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000708894189 ngày 05/12/2016; tiền lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 2.618.999 đồng. Tổng số tiền gốc của hai khoản vay là 42.000.000đ và tiền lãi của hai khoản vay tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 9.166.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà có vay của Ngân hàng CSXH 02 lần; lần 1 ngày 05/12/2015 vay 30.000.000đ tiền gốc theo nguồn vốn hỗ trợ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn, hạn trả nợ vào ngày 05/11/2016; lần 2 vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 12.000.000đ, thời hạn trả vào ngày 05/11/2021. Đối với 02 khoản vay trên bà L đã trả tiền lãi cho Ngân hàng CSXH đến tháng 7/2017. Từ đó đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn, nhà cửa, vườn rẫy bị Chi cục THDS huyện D cưỡng chế thi hành án trong vụ án khác nên gia đình không có nguồn thu và chỗ ở phải đi thuê trọ ở ngoài nên chưa có tiền để trả các khoản vay trên cho Ngân hàng CSXH.

Nay bà đồng ý trả số tiền gốc của hai khoản vay trên là 42.000.000đ và tiền lãi của 02 khoản vay cho Ngân hàng CSXH. Thời gian trả khi nào bà nhận lại được số tiền còn lại bên Chi cục THADS huyện D thì bà sẽ trả cho Ngân hàng CSXH.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Trương Ngọc A (con gái của bà L trình bày:

Ngày 05/12/2015 mẹ là bà Trương Thị L có vay số tiền 30.000.000đ tiền gốc hỗ trợ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn, hạn trả nợ vào ngày 05/11/2016 của Ngân hàng CSXH, chị có ký trong hợp đồng với tư cách người thừa kế. Còn khoản vay khác chị không biết. Nay Ngân hàng CSXH yêu cầu bà L trả nợ thì chị không có ý kiến gì. Do công việc bận rộn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc, tiền lãi nhưng không thống nhất được với nhau về thời gian trả nợ.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản sau: Tiền gốc: 42.000.000 đồng, tiền lãi 9.166.000đ tính đến ngày 28/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thụ tục tố tụng*: Tòa án đã trực tiếp tổng đạt cho bị đơn quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của Ngân hàng CSXH yêu cầu bà Trương Thị L trả số tiền 42.000.000 đồng tiền gốc của 02 khoản vay và tiền lãi đến thời điểm xét xử, theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706236128 ngày 05/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số 6600000708894189 ngày 05/12/2016, thì đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bà Trương Thị L là bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký HKTT tại thôn G, xã G, huyện D và hiện đang cư trú tại thôn 9, xã F, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Xét nội dung yêu cầu khởi kiện*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706236128 ngày 05/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số 6600000708894189 ngày 05/12/2016. Hội đồng xét xử

xét thấy: Bà L có vay của Ngân hàng CSXH số tiền gốc 30.000.000đ vào ngày 05/12/2015 và thời hạn trả là ngày 05/11/2016 nhưng đến nay bà L chưa trả số tiền này. Ngoài ra bà L còn vay vốn nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là 12.000.000đ, thời hạn trả vào ngày 05/11/2021. Đối với khoản vay nay bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc theo quý và tiền lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu nên cần ghi nhận. Tuy nhiên, bị đơn và nguyên đơn không thống nhất được thời gian trả nợ do vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 42.000.000đ và tiền lãi 9.166.000đ tạm tính đến ngày 28/11/2019 đối với hai khoản vay trên là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXH được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 281, các Điều 290, khoản 1 Điều 355; các Điều từ 715 đến 721 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V.

Buộc bà Trương Thị L phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội V số tiền 36.547.001 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706236128 ngày 05/12/2015. Trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) và 6.547.001 đồng tiền lãi tính đến ngày 28/11/2019.

Buộc bà Trương Thị L phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội V số tiền 14.618.999 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6600000708894189 ngày 05/12/2016. Trong đó tiền gốc là 12.000.000 đồng và 2.618.999 đồng tiền lãi tính đến ngày 28/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Thị L vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 6600000706236128 ngày 05/12/2015 và

Hợp đồng tín dụng số 6600000708894189 ngày 05/12/2016, cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Buộc bà Trương Thị L phải nộp 2.551.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Đắk R’lấp;
- Chi cục THADS H. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh